

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM VĂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *98*/QĐ-UBND

Cẩm Văn, ngày 22 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách địa phương năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM VĂN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Văn về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND xã, công chức Tài chính- Kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận một cửa;
- Lưu: KT, VP.

CHỦ TỊCH

Trần Thế Tuyên

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 22 tháng 7 năm 2022.

Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Văn.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trần Thế Tuyền | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Tiến Thủy | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Phạm Thị Lư | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Trần Văn Viết | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông: Đỗ Văn Linh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Quyết toán ngân sách xã năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 116/CKTC-NSNN; Biểu số 117/CKTC-NSNN; Biểu số 118/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 22/7/2022 đến hết ngày 22/8/2022.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

Phạm Thị Lư



Trần Thế Tuyền

Các thành viên

Đỗ Văn Linh

Nguyễn Tiến Thủy

Trần Văn Viết

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH Q/T/D/T(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	13.398.032	9.000.000	4.398.032	14.272.238	7.903.501	6.368.737	106,52	87,82	144,81
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	5.000.000	5.000.000		7.132.000	7.132.000		142,64	142,64	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế				95.501	95.501				
4	Chi văn hóa, thông tin	30.000		30.000	11.302		11.302	37,67		37,67
5	Chi phát thanh, truyền thanh	39.132		39.132	22.605		22.605	57,77		57,77
6	Chi thể dục, thể thao	34.000		34.000	678.080	676.000	2.090	1.994,35		6,12
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.933.266	4.000.000	3.933.266	5.271.077		5.271.077	66,44		134,01
10	Chi cho công tác xã hội	361.634		361.634	356.915		356.915	98,70		98,70
11	Chi khác				356.601		356.601			
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				348.157		348.157			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SỐ SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	Tổng số thu	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
1	Các khoản thu 100%		13.741.054		14.272.238		103,87
			215.000		654.712		304,52
1	Phí, lệ phí		50.000		23.494		46,99
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		115.000		339.519		295,23
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				53.400		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				186.700		
8	Thu khác		50.000		51.600		103,20
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		9.392.000		661.136		7,04
1	Các khoản thu phân chia		80.000		71.583		89,48
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		13.000		15.987		122,98
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		17.000		20.700		121,76
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		50.000		34.895		69,79
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định		9.312.000		589.554		6,33
2.1	Thu tiền sử dụng đất		9.000.000		233.501		2,59
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		208.000		237.571		114,22
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		104.000		118.482		113,92
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				2.151.106		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Thu chuyển nguồn				2.151.106		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				37.106		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.134.054		10.768.178		260,48
1	Thu bổ sung cân đối		3.957.892		3.949.483		99,79
2	Thu bổ sung có mục tiêu		176.162		6.818.695		3.870,70

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	14.272.238	Tổng số chi	14.272.238
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	654.712	I. Chi đầu tư phát triển	7.903.501
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	661.136	II. Chi thường xuyên	6.020.580
III. Thu bổ sung	10.768.178	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	348.157
- Bổ sung cân đối	3.949.483	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	6.818.695		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	37.106		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	2.151.106		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.